4. CÁC SỐ ĐẾN 20

CÁC SỐ ĐẾN 20

(3 tiết – SGK trang 82)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Lập số, đếm, đọc, viết các số từ 10 đến 20.

– Phân tích cấu tạo số, tổng hợp số trong phạm vi 20.

– So sánh các số trong phạm vi 20 (trên cơ sở mở rộng cách so sánh các số trong phạm vi 10).

– Vận dụng thứ tự các số trong dãy số từ 1 đến 20, dự đoán quy luật, viết dãy số.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

3. Tích hợp: Tiếng Việt, Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: yêu nước (kính trọng, biết ơn 18 vị vua Hùng).

B. Thiết bị dạy học

GV & HS: 20 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

Đếm từ 1 tới 20 (HS biết đếm trước khi học số).

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu số 12, số 17 (SGK trang 82, 83)

Số 12:

– **Đếm** xe (vừa đếm vừa làm dấu bằng cách đặt 1 khối lập phương vào 1 chiếc xe).

Nói: có 12 chiếc xe.

– **Xếp** 10 khối lập phương vào một cột

2 khối lập phương vào một cột khác.

Nói: Gộp 10 và 2 được 12.

12 gồm 10 và 2.

– GV giới thiệu cách viết số 12:

Số 12 được viết bởi hai chữ số: chữ số 1 và chữ số 2 (vừa nói vừa viết).

HS **viết** 12 (bảng con).

– HS đọc: mười hai.

Số 17:

– Dựa vào trình tự các thao tác của số 12, HS tự thao tác với số 17.

2. Giới thiệu các số từ 10 đến 20

– GV hướng dẫn đọc các số từ 10 tới 20 (lưu ý cách đọc số 15).

– HS **nhận biết** sự giống nhau khi viết các số từ 10 tới 19.

– HS **viết** dãy số từ 10 tới 20.

– Thực hành Lập số – Đọc, Viết số – Phân tích, tổng hợp số:

GV có thể dùng trò chơi "Tôi là số mấy?".

- Cả lớp **điểm danh** từ 10 tới 20.
- Mỗi HS **xác định** số của mình.
- Dùng các khối lập phương **lập số** đó (như SGK).

  Viết số ra bảng con.
- Khi GV gọi tên bạn nào, bạn đó đứng lên giới thiệu, chẳng hạn:

  Tôi là số mười bốn (đưa bảng con 14).

  Tôi **gồm** 10 **và** 4 (chỉ tay: một tay thanh 10 khối, một tay thanh 4 khối).

  Gộp 10 **và** 4 **được** tôi (thể hiện thao tác gộp 2 thanh).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **nói** theo cách **tách – gộp số** (theo tranh).

Ví dụ: 11 người **gồm** 10 cầu thủ **và** 1 thủ môn.

Gộp 10 cầu thủ **và** 1 thủ môn **được** 11 người.

– Tích hợp:

Tiếng Việt: **làm quen** các từ *cầu thủ, thủ môn, đội bóng, vỉ trứng, que tính*.

– Toán học và cuộc sống: Tác dụng của việc để 10 trứng vào 1 vỉ (khó vỡ, dễ đếm).

Bài 2:

– Phân tích mẫu: **Xác định** đủ 10, **đếm** tiếp 11, 12, …, 16. **Viết**, **đọc** số.

– Khi sửa bài, GV có thể hỏi một vài trường hợp.

Ví dụ: Tại sao viết số 19?

HS có thể trả lời theo nhiều cách:

Em đếm được 19 hình chữ nhật.

Có 10 hình chữ nhật và 9 hình chữ nhật nên có 19.

ĐẤT NƯỚC EM: Đền Hùng

– Đền Hùng là quần thể đền chùa thờ kính **18 vị Vua Hùng** và tôn thất của các vua trên núi Nghĩa Lĩnh, tỉnh Phú Thọ. Hằng năm tại đây, vào **ngày 10 tháng 3 âm lịch**, đều tổ chức Lễ hội Đền Hùng kính nhớ các vị tổ tiên đã có công dựng nước.

– Nơi em ở có đường phố, thôn xã, … nào mang tên Hùng Vương?

(Nếu có thời gian, HS xác định vị trí tỉnh Phú Thọ trên bản đồ SGK trang 157).

Bài 3:

– Học sinh **đếm**, **viết** số ô vuông ở mỗi hình

7 10 12 15 18 20

Mở rộng: nếu có thời gian, GV có thể cho HS so sánh các số trong phạm vi 20:

Học sinh **nhận xét**: Số ô vuông hình sau **nhiều hơn** hình trước, nên số sau **lớn hơn** số trước, số trước **bé hơn** số sau.

Học sinh **nói**: 7 bé hơn 10; 10 bé hơn 12; … ; 18 bé hơn 20.

20 lớn hơn 18; 18 lớn hơn 15; … ; 10 lớn hơn 7.

Giáo viên viết trên bảng dãy số từ 0 tới 20:

0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 ; 10 ; 11 ; 12 ; 13 ; 14 ; 15 ; 16 ; 17 ; 18 ; 19 ; 20.

Học sinh **nhận xét: Các số được sắp xếp từ bé đến lớn**.

Giáo viên nói: Trong dãy số trên

Số bên trái bé hơn số bên phải, số bên phải lớn hơn số bên trái.

Số có một chữ số bé hơn số có hai chữ số.

– Học sinh so sánh một vài cặp số (nói).

Ví dụ: 9 và 11 (9 bé hơn 11); 20 và 17 (20 lớn hơn 17); ….

* Thư giãn:

Giáo viên đưa tay giả làm miệng cá sấu.

Học sinh đồng thanh: "Há họng bên nào, bên đó lớn".

Ví dụ: 7 < 12 vì:

- 7 ô vuông ít hơn 12 ô vuông.
- 7 bên trái, 12 bên phải.
- 7 có một chữ số, 12 có hai chữ số.

Bài 4:

– Phân tích mẫu:

- GV giúp HS **nhận biết**

  Sơ đồ tách – gộp số 13 và cách đọc

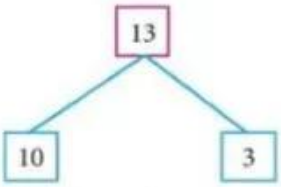

13 gồm 10 và 3.

Gộp 10 và 3 được 13.

Số chấm tròn mỗi bảng **phù hợp** với **sơ đồ** tách – gộp số.

- Học sinh **nói** yêu cầu của bài.

– Khi sửa bài, lưu ý học sinh **giải thích** cách làm.

Bài 5:

– Tìm hiểu bài:

- Học sinh xem tranh, **nhận xét** khái quát:
- Con đường gồm các ô gạch, có ô đã đánh số, có ô chưa đánh số.
- 2 nhóm khủng long: có sừng và cổ dài.

Mỗi nhóm: có con đánh số, có con chưa đánh số.

HS **xác định** nhiệm vụ: **đánh số** ô gạch, **đánh số** khủng long.

– Học sinh tìm cách làm bài: Dự đoán quy luật (dãy số thêm 1, thêm 2).

– HS làm bài.

– GV lưu ý nhắc HS kiểm tra lại sau khi làm.

CỦNG CỐ

GV có thể dùng trò chơi "Cô bảo":

– Học sinh cả lớp điểm danh từ 1 tới 20; viết số của mình vào bảng con.

– Mỗi lần chơi, giáo viên gọi 4 yêu cầu. Ví dụ:

Số gồm 10 và 4 (14)

Số gồm 10 và 9 (19)

Số lớn hơn 4 và bé hơn 6 (5)

Số lớn nhất có một chữ số (9).

Gọi tới đâu, học sinh mang bảng con chạy lên đứng trước lớp.

Có thể có 2 nhóm, ví dụ:

A	B
14; 19; 5; 9	14; 5; 9

Sau đó, giáo viên yêu cầu học sinh **sắp xếp theo thứ tự** từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé (nhóm nào nhanh sẽ thắng).

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

GV nhắc HS: về nhà tập **đếm xuôi**, từ 1 đến 20,

đếm ngược từ 20 về 1.

Kể chuyện đền Hùng, cùng người thân tìm vị trí tỉnh Phú Thọ trên bản đồ (SGK trang 157).